

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2015/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 09 tháng 7 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Về bổ sung các dự án phải thu hồi đất để sử dụng vào
mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng
năm 2015 trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-CP ngày 30/5/2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Lào Cai;

Sau khi xem xét Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2015 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 34/BC-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh dự kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc bổ sung các dự án phải thu hồi đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2015 trên địa bàn tỉnh Lào Cai với các nội dung sau:

1. Bổ sung các dự án phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2015 trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1.1. Tổng số dự án cần thu hồi đất bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của các huyện, thành phố (theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai): **169 dự án.**

Tổng diện tích phải thu hồi: **859,98** ha. Trong đó:

- Diện tích đất trồng lúa: **27,93** ha;
- Diện tích đất rừng phòng hộ: **5,18** ha;
- Các loại đất khác còn lại: **826,87** ha.

1.2. Tổng số dự án chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của các huyện, thành phố: **04 dự án**. Tổng diện tích: **69,53** ha. Trong đó:

- Diện tích đất trồng lúa: **4,3** ha;
- Diện tích đất rừng phòng hộ: **19,76** ha;
- Các loại đất khác còn lại: **45,47** ha.

(Có phụ biểu chi tiết từng huyện, thành phố kèm theo)

1.3. Bổ sung dự án theo thỏa thuận của Thường trực HĐND tỉnh với UBND tỉnh trong thời gian giữa 2 kỳ họp:

- Tên dự án: Mở rộng Khu cửa khẩu đường bộ số II – Kim Thành tại xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

- Tổng diện tích phải thu hồi: 10,18 ha; loại đất là: đất khác (không có đất trồng lúa và đất rừng phòng hộ).

2. Các dự án phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2015 trên địa bàn tỉnh Lào Cai sau khi đã bổ sung, gồm:

2.1. Tổng số dự án cần thu hồi đất bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của các huyện, thành phố (theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai): **619 dự án**.

Tổng diện tích phải thu hồi: **3.119,54** ha. Trong đó:

- Diện tích đất trồng lúa: **184,43** ha;
- Diện tích đất rừng phòng hộ: **179,56** ha;
- Diện tích đất rừng đặc dụng: **14,98** ha;
- Các loại đất khác còn lại: **2.740,57** ha.

2.2. Tổng số dự án chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của các huyện, thành phố: **04 dự án**. Tổng diện tích: **69,53** ha. Trong đó:

- Diện tích đất trồng lúa: **4,3** ha;
- Diện tích đất rừng phòng hộ: **19,76** ha;
- Các loại đất khác còn lại: **45,47** ha.

(Có biểu tổng hợp toàn tỉnh kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các đại biểu HĐND tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung các dự án phải thu hồi đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh phát sinh giữa 2 kỳ họp, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này đã được kỳ họp thứ 13 - HĐND tỉnh Lào Cai khóa XIV thông qua ngày 08/7/2015 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Văn Cường

**TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH
SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2015
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI SAU KHI BỔ SUNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015
của HĐND tỉnh Lào Cai)*

Đơn vị tính: ha

Số TT	Địa điểm thực hiện	Tổng số công trình, dự án	Tổng diện tích	Sử dụng từ các loại đất				Ghi chú
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
A	CÁC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT	619	3.119,54	184,43	179,56	14,98	2.740,57	
I	Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương	129	181,91	16,34			165,56	
1	Thành phố Lào Cai	13	117,86	14,25			103,61	
2	Huyện Văn Bàn	13	3,51	0,35			3,16	
3	Huyện Bảo Thắng	8	1,60	0,61			0,99	
4	Huyện Bảo Yên	25	10,44	0,59			9,84	
5	Huyện Si Ma Cai	10	3,43	0,43			3,00	
6	Huyện Bắc Hà	8	1,34	0,05			1,28	
7	Huyện Mường Khương	11	2,18				2,18	
8	Huyện Bát Xát	9	6,57				6,57	
9	Huyện Sa Pa	32	34,99	0,06			34,93	
II	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải	296	950,13	87,07	61,53	14,52	787,01	
1	Thành phố Lào Cai	30	138,19	5,40	1,68		131,11	
2	Huyện Văn Bàn	20	38,70	5,71	0,94	0,84	31,20	
3	Huyện Bảo Thắng	34	88,01	3,66	0,05		84,30	

4	Huyện Bảo Yên	49	109,19	10,04	4,31		94,84	
5	Huyện Si Ma Cai	12	84,92	3,05	1,49	1,45	78,94	
6	Huyện Bắc Hà	28	162,78	19,65	10,70		132,43	
7	Huyện Mường Khương	29	35,42	4,24	1,40	1,29	28,49	
8	Huyện Bát Xát	45	156,36	11,95	33,70		110,71	
9	Huyện Sa Pa	49	136,56	23,37	7,27	10,93	94,99	
III	Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	142	305,46	17,31	47,50		240,66	
1	Thành phố Lào Cai	5	12,05	0,47			11,58	
2	Huyện Văn Bàn	1	1,15	0,25			0,90	
3	Huyện Bảo Thắng	10	44,13	0,37			43,76	
4	Huyện Bảo Yên	15	10,89	2,02	0,50		8,37	
5	Huyện Si Ma Cai	12	7,60	2,03			5,57	
6	Huyện Bắc Hà	4	39,40	4,76	5,00		29,64	
7	Huyện Mường Khương	63	48,14				48,14	
8	Huyện Bát Xát	27	107,95	0,97	41,50		65,48	
9	Huyện Sa Pa	5	34,16	6,44	0,50		27,22	
IV	Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	37	980,72	40,52	56,33	0,46	883,41	
1	Thành phố Lào Cai	10	240,14	17,82	44,61		177,71	
2	Huyện Văn Bàn							
3	Huyện Bảo Thắng	8	172,75	22,56	11,60		138,59	
4	Huyện Bảo Yên	9	29,62				29,62	
5	Huyện Si Ma Cai							

6	Huyện Bắc Hà	1	9,50				9,50	
7	Huyện Mường Khương	2	12,00	0,02			11,98	
8	Huyện Bát Xát	4	26,69				26,69	
9	Huyện Sa Pa	3	490,02	0,12	0,12	0,46	489,32	
V	Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản	15	701,32	23,19	14,20		663,93	
1	Thành phố Lào Cai	1	28,20				28,20	
2	Huyện Văn Bàn	4	168,32	6,50			161,82	
3	Huyện Bảo Thắng	2	25,04	3,99	7,80		13,25	
4	Huyện Bảo Yên	2	123,00	0,53	0,90		121,57	
5	Huyện Si Ma Cai							
6	Huyện Bắc Hà	1	6,00		5,50		0,50	
7	Huyện Mường Khương							
8	Huyện Bát Xát	5	350,76	12,17			338,59	
9	Huyện Sa Pa							
B	CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI XIN PHÉP BỔ SUNG VÀO KHSDD NĂM 2015	4	69,53	4,30	19,76		45,47	
1	Thành phố Lào Cai							
2	Huyện Văn Bàn							
3	Huyện Bảo Thắng	1	1,88	0,70	0,60		0,58	
4	Huyện Bảo Yên	1	43,15	3,6	0,76		38,79	
5	Huyện Si Ma Cai							
6	Huyện Bắc Hà							
7	Huyện Mường Khương	1	2,50		2,50			
8	Huyện Bát Xát							
9	Huyện Sa Pa	1	22,00		15,90		6,10	
Tổng cộng		623	3.189,07	188,73	199,32	14,98	2.786,04	

**TỔNG HỢP BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH
SỬ DỤNG ĐẤT BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2015 TỈNH LÀO CAI**
(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015
của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Địa điểm thực hiện	Tổng số công trình, dự án	Tổng diện tích	Sử dụng từ các loại đất				Ghi chú
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
A	CÁC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT	169	859,98	27,93	5,18		826,87	
I	Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương	44	122,78	14,47			108,33	
1	Thành phố Lào Cai	8	115,24	14,14			101,10	
2	Huyện Văn Bàn	2	0,14				0,14	
3	Huyện Bảo Thắng	1	0,42				0,42	
4	Huyện Bảo Yên	6	0,81				0,81	
5	Huyện Si Ma Cai	3	1,92	0,33			1,59	
6	Huyện Bắc Hà	3	0,62				0,62	
7	Huyện Mường Khương	5	1,68				1,68	
8	Huyện Bát Xát	1	0,07				0,07	
9	Huyện Sa Pa	15	1,89				1,89	
II	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải	68	167,93	12,67	5,18		150,08	
1	Thành phố Lào Cai	3	13,87	0,24	1,68		11,95	
2	Huyện Văn Bàn	3	30,19	3,56			26,63	
3	Huyện Bảo Thắng	1	18,80				18,80	
4	Huyện Bảo Yên	14	36,46	3,99			32,47	

5	Huyện Si Ma Cai	1	0,90	0,10			0,80	
6	Huyện Bắc Hà	2	36,90	2,00	3,50		31,40	
7	Huyện Mường Khương	16	21,34	2,78			18,56	
8	Huyện Bát Xát	1	3,80				3,80	
9	Huyện Sa Pa	27	5,67				5,67	
III	Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	50	4,345	0,03			4,315	
1	Thành phố Lào Cai							
2	Huyện Văn Bàn							
3	Huyện Bảo Thắng							
4	Huyện Bảo Yên							
5	Huyện Si Ma Cai	5	0,15	0,03			0,12	
6	Huyện Bắc Hà							
7	Huyện Mường Khương	44	3,22				3,22	
8	Huyện Bát Xát							
9	Huyện Sa Pa	1	0,98				0,98	
IV	Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	6	505,92	0,24			505,68	
1	Thành phố Lào Cai							
2	Huyện Văn Bàn							
3	Huyện Bảo Thắng	1	4,40	0,22			4,18	
4	Huyện Bảo Yên	3	14,00				14,00	
5	Huyện Si Ma Cai							
6	Huyện Bắc Hà							
7	Huyện Mường Khương	1	3,50	0,02			3,48	

8	Huyện Bát Xát							
9	Huyện Sa Pa	1	484,02				484,02	
V	Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản	1	59	0,53			58,47	
1	Thành phố Lào Cai							
2	Huyện Văn Bàn							
3	Huyện Bảo Thắng							
4	Huyện Bảo Yên	1	59,00	0,53			58,47	
5	Huyện Si Ma Cai							
6	Huyện Bắc Hà							
7	Huyện Mường Khương							
8	Huyện Bát Xát							
9	Huyện Sa Pa							
B	CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI XIN PHÉP BỔ SUNG VÀO KHSDD NĂM 2015	4	69,53	4,3	19,76		45,47	
1	Thành phố Lào Cai							
2	Huyện Văn Bàn							
3	Huyện Bảo Thắng	1	1,88	0,70	0,60		0,58	
4	Huyện Bảo Yên	1	43,15	3,60	0,76		38,79	
5	Huyện Si Ma Cai							
6	Huyện Bắc Hà							
7	Huyện Mường Khương	1	2,50		2,50			
8	Huyện Bát Xát							
9	Huyện Sa Pa	1	22,00		15,90		6,10	
Tổng cộng		173	929,51	32,23	24,94		872,34	

**BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2015 THÀNH PHỐ LÀO CAI**
(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015
của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			115,24	14,14			101,10		
1	Hệ thống giao thông nông thôn xã Vạn Hòa, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Xã Vạn Hòa	Sở Xây dựng	45,2	5,4			39,8	Vốn vay tín dụng ưu đãi + Vốn khác	Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 30/6/2014
2	Trụ sở UBND phường Thống nhất	Phường Thống nhất	UBND huyện	0,67	0,64			0,03	Vốn Ns	Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 30/10/2014
3	San gạt mặt bằng và xây dựng các tuyến đường giao thông xã Vạn Hòa, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Xã Vạn Hòa	Sở Xây dựng	50,47	7,6			42,87	Vốn sự nghiệp giao thông + Vốn khác	Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 30/6/2014
4	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư giáp đường B6 kéo dài, thành phố Lào Cai	Phường Bắc Lệnh	Sở Xây dựng	13,2	0,5			12,7	Vay quỹ phát triển đất + Vốn khác	Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 24/4/2015
5	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật đường D6 (đoạn kết nối giữa đại lộ Trần Hưng Đạo với đường B2), khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường	Phường Bắc Cường	Sở Xây dựng	0,8				0,8	Vốn thu tiền sử dụng đất + Vốn khác	Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 13/4/2015

6	Xây dựng hệ thống thoát nước xử lý ngập úng tại các tổ 3, 4, 21, 22, 23 phường Kim Tân, thành phố Lào Cai	Phường Kim Tân	Sở Xây dựng	0,2				0,2	Vốn ngân sách + Vốn khác	Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 13/4/2015
7	Đường B10, khu đô thị mới Lào Cai – Cam Đường; Hạng mục: Cấp điện, cấp thoát nước đường B10 đoạn từ B6 đến D1	Phường Bình Minh, Bắc Lệnh	Sở Xây dựng	3,5				3,5	Vốn ngân sách + Vốn khác	Văn bản số 4216/UBND-TM ngày 22/10/2014
8	Bổ sung dự án đường giao thông B9, khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường	Phường Bình Minh, Bắc Lệnh	Sở Xây dựng	1,2				1,2	Vốn ngân sách + Vốn khác	Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 13/4/2015
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			13,87	0,24	1,68		11,95		
1	Lỗi đất đường Nguyễn Đức Cảnh, Thủ Dầu Một và Tô Hiến Thành, phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai	Phường Duyên Hải	DNTN Phương Liên	12,7		1,5		11,2	Chủ đầu tư ứng vốn	QĐ 3082/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh Lào Cai
2	Đường dây 110kV mạch đơn đầu nối Nhà máy thủy điện Ngòi Phát vào lưới điện Quốc Gia (đoạn từ cột G7 đến Trạm biến áp 220kV Lào Cai)	Xã Đồng Tuyển; P Bắc Cường; P Nam Cường; xã Cam Đường; P Pom Hân; P Thống Nhất	CT CP Đầu tư và PT điện Miền Bắc 2	0,87	0,04	0,18		0,65	Vốn Doanh Nghiệp	QĐ 4158/UBND-CT ngày 25/10/2013; QĐ 4452/UBND-CT ngày 15/11/2013
3	Đường D1(đoạn B8 đến Đại lộ Trần hưng đạo) - bổ sung diện tích đất bị ảnh hưởng bởi thi công.	Phường Bình Minh		0,3	0,203			0,097	Vốn WB	QĐ 2916/QĐ-UBND ngày 27/10/2011; 775/QĐ-UBND ngày 12/4/2012

III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)								
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)								
V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm đ, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)								
Tổng số 11 dự án				129,11	14,38	1,68		113,05	

**BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2015 HUYỆN VĂN BÀN**
(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015
của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			0,14				0,14		
1	Trường Tiểu học số 1 Khánh Yên Hạ	Khánh Yên Hạ	UBND huyện	0,017				0,017	Vốn NS Viêt tinbank	QĐ 354/QĐ-UBND ngày 26/11/2014
2	Trạm Y tế thị trấn Khánh Yên	TT Khánh Yên	UBND huyện	0,118				0,118	Ngân sách	QĐ 3956/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			30,19	3,56			26,63		
1	Dự án Thủy điện Nậm Xây Luông	Xã Nậm Xây	Công ty CP ĐTXD &PTNL Phúc Khánh	16,87	3,55			13,32	Vốn Công ty+vốn vay	Văn bản số 1727/UBND-CT ngày 27/4/2015

2	Dự án Thủy điện Minh Lương Thượng	Xã Minh Lương, Thăm Dương	Công ty CP Phát triển Thủy điện	13,3				13,3	Vốn Công ty	Văn bản số 817/UBND-CT ngày 10/3/2015
3	Xây dựng mới 03 xuất tuyến 35KV sau TBA 110KV Văn Bàn	Thị trấn Khánh Yên	Công ty Điện lực Lào Cai	0,02	0,01			0,01	Vốn vay tín dụng thương mại và KHCB Tổng công ty Điện lực miền Bắc	QĐ số 710/QĐ-PCLK ngày 23/6/2014 V/v phê duyệt TKBVTC và BCKT-KT công trình
III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ cộng đồng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)									
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)									
V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm đ, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)									
Tổng số 5 dự án				30,32	3,56			26,77		

**BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2015 HUYỆN BẢO THẮNG**
(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015
của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			0,42				0,42		
1	Xây dựng văn phòng đại diện Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai, tại khu công nghiệp Tăng Loóng	Xã Xuân Giao		0,42				0,42	Vốn hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng và vốn khác ngân sách	Quyết định số 2112/QĐ-UBND việc về giao danh mục đầu tư năm 2014.
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			18,80				18,80		
1	Nâng cấp và mở rộng đường từ tỉnh lộ 151 qua khu công nghiệp Tăng Loóng đến đường từ xã Xuân Giao đi cầu Phố Lu	Xã Xuân Giao		18,80				18,80	Vốn sự nghiệp giao thông, nguồn thu từ đất, vốn khác ngân sách tỉnh năm 2015-2018	Quyết định số 4308/QĐ-UBND tỉnh ngày 31/12/2014 việc về giao danh mục đầu tư năm 2014.

III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)								
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			4,40	0,22			4,18	
1	Sắp xếp dân cư thiên tai, đặc biệt nguy hiểm khó khăn Cầu Xum, xã Thái Niên, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Xã Thái Niên		4,40	0,22			4,18	Vốn NS Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 11/02/2015 của UBND tỉnh Lào Cai; Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh Lào Cai
V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm đ, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)								

VI	Danh mục công trình dự án chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép bổ sung vào KHSDĐ			1,88	0,70	0,60		0,58		
1	Dự án khai thác đá (công trình phụ trợ)	X. Bàn Cầm	Công ty TNHH xây lắp Hồng Toàn	1,88	0,70	0,60		0,58	Vốn doanh nghiệp	Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000202 thay đổi lần thứ nhất ngày 13 tháng 8 năm 2014
Tổng				25,50	0,92	0,60		23,98		

**BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2015 HUYỆN BẢO YÊN**
(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015
của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			0,81				0,81		
1	Trạm y tế xã Thượng Hà	Bản 3 Vải Siêu, xã Thượng Hà	UBND huyện	0,12				0,12	NS tỉnh	QĐ số 3956/QĐ-UB ngày 12/12/2014 của tỉnh Lào Cai
2	Trạm y tế xã Long Phúc	Bản 4, xã Long Phúc	UBND huyện	0,12				0,12	NS tỉnh	QĐ số 3956/QĐ-UB ngày 12/12/2014 của tỉnh Lào Cai
3	Trạm y tế xã Điện Quan	Bản 6, xã Điện Quan	UBND huyện	0,02				0,02	NS tỉnh	QĐ số 3956/QĐ-UB ngày 12/12/2014 của tỉnh Lào Cai
4	Trạm y tế xã Tân Dương	Bản Mũng, xã Tân Dương	UBND huyện	0,25				0,25	NS tỉnh	QĐ số 3956/QĐ-UB ngày 12/12/2014 của tỉnh Lào Cai
5	Trạm y tế xã Tân Tiến	Bản thác xa 1, xã Tân Tiến	UBND huyện	0,15				0,15	NS tỉnh	QĐ số 3956/QĐ-UB ngày 12/12/2014 của tỉnh Lào Cai

6	Trạm y tế xã Cam Cọn	bản Tân Tiền xã Cam Cọn	UBND huyện	0,15				0,15	NS tỉnh	QĐ số 3956/ QĐ-UB ngày 12/12/2014 của tỉnh Lào Cai
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			36,46	3,99			32,47		
1	Cầu bản Sài 1 (Km1+500m) xã Lương Sơn	xã Lương Sơn	UBND huyện	0,15	0,05			0,10	Sự nghị giao thông	QĐ 1139/QĐ- UBND ngày 25/4/2015
2	Cầu bản Sài 1 (Km2+500m) xã Lương Sơn	xã Lương Sơn	UBND huyện	0,15	0,05			0,10	Sự nghị giao thông	QĐ 1139/QĐ- UBND ngày 25/4/2016
3	Đường nội thị(B1+D5)- TTPhố RàngB1- Liên đoàn lao động) huyện Bảo Yên(giai đoạn 2)	TT.Phố Ràng	UBND huyện	0,97	0,40			0,57	Ngân sách TT+vốn khác	QĐ992 ngày 26/4/2013
4	Cầu nối nhánh 2 đến Nhà văn hóa thị trấn Phố Ràng	TT.Phố Ràng	UBND huyện	0,15	0,05			0,10	Sự nghị giao thông	QĐ 1139/QĐ- UBND ngày 25/4/2016
5	Cầu treo Tầng Què	Xã Điện Quan	UBND huyện	0,02	0,02				Nghị quyết 37 + vốn khác	QĐ 2183 ngày 11/8/2014
6	Các hạng mục phụ trợ đền Bảo Hà (Bổ sung)	Xã Bảo Hà	UBND huyện	24,90				24,90	Ngân sách + Vốn khác	TB 502-KL/ TU ngày 04/3/2015
7	Kè Sông Hồng	Xã Bảo Hà	UBND huyện	6,00				6,00	Ngân sách + Vốn khác	TB 502-KL/ TU ngày 04/3/2015

8	Kè và mặt bằng tổ 3B thị trấn Phố Ràng	Tổ 3B TT Phố Ràng	UBND huyện	0,45	0,25			0,20	NS tỉnh	QĐ số 814/QĐ-UB tỉnh
9	Nâng cấp đường từ trung tâm xã Long Khánh đến QLô 70 Bảo Yên	xã Long Khánh	Sở GTVT Lào Cai	0,50				0,50	Ngân sách + Vốn khác	QĐ 3178/QĐ-UB ngày 29/10/2014
10	Mở rộng đường Sơn Hà - Cam Cọn	xã Cam Cọn	UBND huyện	0,13	0,13				NS tỉnh	Bổ sung thêm diện tích vào danh mục đã được thông qua Nghị quyết 35
11	Mở rộng đường bản Giã Hạ - Hàm Rồng	xã Việt Tiến	UBND huyện	0,27	0,27					
12	Đường trung tâm cụm xã Điện Quan (2 tuyến chính)	Xã Điện Quan	UBND huyện	1,60	1,60					
13	Đường trung tâm xã Long Khánh tuyến 2	xã Long Khánh	UBND huyện	0,37	0,37					
14	Đường TTCX Long Khánh - Tuyến 1	xã Long Khánh	UBND huyện	0,80	0,80					
III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ									
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Đi			14,00				14,00		
1	Cấp đất tái định cư khu vực đường D1, T1, T2, T3, T4 bản Bảo Vinh, bản Liên Hà, bản xã Bảo Hà	Bản Bảo Vinh, bản Liên Hà, bản xã Bảo Hà	UBND huyện	1,00				1,00	NS tỉnh	TB 502-KL/ TU ngày 04/3/2015

2	Khu tái định cư bản Nậm Bết	Bản Nậm Bết, Xã Tân Tiến	UBND huyện	7,00				7,00	NS tỉnh	Thiên tai bảo lũ tháng 7/2014
3	Đấu giá đất ở đô thị khu 7B	Khu 7B, thị trấn Phố Ràng	UBND huyện	6,00				6,00	NS tỉnh	QĐ số 2658/QĐ-UB tỉnh
V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản			59,00	0,53			58,47		
1	Mỏ Graphit	Xã Bảo Hà	CT ks Sông Đà	59,00	0,53			58,47	Vốn chủ đầu tư	TB số 399/SXD ngày 29/12/2014
VI	Danh mục công trình dự án chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép bổ sung vào KHSDD			43,15	3,60	0,76		38,79		
1	Xây dựng nhà máy tuyển và khu nhà điều hành quặng Graphit	Xã Yên Sơn	CT ks Sông Đà	43,15	3,60	0,76		38,79	Vốn chủ đầu tư	TB số 399/SXD ngày 29/12/2014
Tổng 25 dự án				153,42	8,12	0,76		144,54		

**BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2015 HUYỆN SI MA CAI**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015
của HĐND tỉnh Lào Cai)*

Đơn vị tính: ha

Số TT	Các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			1,92	0,33			1,59		
1	Hội trường UBND xã Sán Chải huyện Si Ma Cai	Xã Sán Chải	UBND huyện	0,50	0,10			0,40	Vốn SNNS xã + KTTC	Quyết định đầu tư số 3956/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai
2	Hội trường UBND xã Nàn Sán huyện Si Ma Cai	Xã Nàn Sán	UBND huyện	0,50	0,05			0,45	Vốn SNNS xã + KTTC	Quyết định đầu tư số 3956/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai
3	Nhà văn hóa kết hợp Hội trường UBND xã Cán Hồ	Xã Cán Hồ	UBND huyện	0,92	0,18			0,74	Vốn SNNS xã + KTTC	Căn cứ Quyết định số: 443/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 UBND huyện Si Ma Cai

II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			0,90	0,10			0,80		
1	Hót sứt đường Km1 TL153 - Tả Cán Hồ	Xã Sán Chải	UBND huyện	0,90	0,10			0,80	Vốn Ngân sách TT	Quyết định đầu tư số 3956/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai
III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			0,15	0,03			0,12		
1	Nhà công vụ giáo viên MN Lùng Sui - Trường chính	Xã Lùng sui	UBND huyện	0,03				0,03	Vốn SNNS xã + KTTC	Quyết định đầu tư số 475/QĐ-UBND ngày 29/10/2013 của UBND huyện Si Ma Cai

V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm đ, khoản 3 Điều 62 Luật DD)									
Tổng số 9 dự án				2,97	0,46			2,51		

**BỔ SUNG CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN PHẢI THU HỒI,
CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2015 HUYỆN BẮC HÀ**
(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015
của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			0,62				0,62		
1	Công trình trạm Y tế xã Thái Giàng Phố	Xã Thái Giàng Phố	UBND huyện	0,40				0,40	Cơ chế hỗ trợ theo quyết định 1775/QĐ-UBND ngày 17/6/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	Quyết định số 3956/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai

2	Công trình trạm Y tế Thị trấn Bắc Hà	Thị trấn Bắc Hà	UBND huyện	0,08				0,08	Cơ chế hỗ trợ theo quyết định 1775/QĐ-UBND ngày 17/6/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	Quyết định số 3956/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai
3	Công trình mở rộng phòng khám đa khoa khu vực Bảo Nhai	Xã Bảo Nhai	UBND huyện	0,14				0,14		Thông báo số 1034/TB/HU ngày 10/6/2014 thông báo kết luận hội nghị giao ban thường trực Huyện ủy - UBND huyện Bắc Hà
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			36,90	2,00	3,50		31,40		
1	Công trình Đường Tả Củ Tỷ, huyện Bắc Hà đi UBND xã Bản Ngò, huyện Sín Mần, tỉnh Hà Giang	Xã Tả Củ Tỷ	UBND huyện Bắc Hà	36,00	2,00	3,50		30,50	Ngân sách tỉnh 95%; Ngân sách huyện 5%	Quyết định số 4168/QDD-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Lào cai về việc giao kế hoạch danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2014.

V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm đ, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)								
Tổng số 5 công trình				37,52	2,00	3,50		32,02	

**BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2015 HUYỆN MUỜNG KHƯỜNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015 của HĐND
tỉnh Lào Cai)*

Đơn vị tính: ha

Số TT	Các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác			
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			1,68				1,68			
1	Trường THCS xã Thanh Bình	Xã Thanh Bình	UBND huyện	0,2				0,2	Sự nghiệp giáo dục NS tỉnh	QĐ: 956 ngày 09/4/2015 của UBND tỉnh Lào Cai	CT khởi công năm 2015
2	Trạm y tế xã Tung Chung Phố	Xã Tung Chung Phố	UBND huyện	0,5				0,5	Ngân sách tỉnh	QĐ số 3056 ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
3	Trạm y tế xã Pha Long	Xã Pha Long	UBND huyện	0,4				0,4	Ngân sách tỉnh	QĐ số 3056 ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư

4	Trạm y tế xã Cao Sơn	Xã Cao Sơn	UBND huyện	0,4				0,4	Ngân sách tỉnh	QĐ số 3056 ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
5	Trạm quan trắc nước sông Chảy	Xã Tả Gia Khâu	Cục QL tài nguyên nước Bộ TNMT	0,18				0,18	Vốn NSTW	Quyết định số 1753/QĐ-BTNMT ngày 13/10/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	CT chuẩn bị đầu tư
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			21,34	2,78			18,56			
1	Thủy lợi Lũng Cầu xã Bản Lầu	Xã Bản Lầu	UBND huyện	0,3	0,1			0,2	Sự nghiệp nông lâm nghiệp	QĐ số 3056 ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
2	Thủy lợi Nậm Pán xã Thanh Bình	Xã Thanh Bình	UBND huyện	0,3	0,08			0,22	Sự nghiệp nông lâm nghiệp	QĐ số 3056 ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
3	Thủy lợi Sín Lũng Chải A-B xã Lũng Khẩu Nhín	Xã Lũng Khẩu Nhín	UBND huyện	1,2	0,2			1	Sự nghiệp nông lâm nghiệp	QĐ số 3056 ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
4	Thủy lợi thôn 2 xã Lũng Vai	Xã Lũng Vai	UBND huyện	0,7	0,2			0,5	Vốn sự nghiệp Nông lâm nghiệp, Miễn thủy lợi phí + vốn vay tín dụng ưu đãi	QĐ số 4168 ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư

5	Mương tiêu thoát lũ xã Pha Long	Xã Pha Long	UBND huyện	0,8	0,3			0,5	Vốn sự nghiệp Nông lâm nghiệp, Miễn thủy lợi phí + vốn vay tín dụng ưu đãi	QĐ số 4168 ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
6	Tiêu thoát lũ Thị trấn Mường Khương (công trình chuyển tiếp) thu hồi bổ sung	TT Mường Khương	UBND huyện	0,4	0,1			0,3	Sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh		CT chuyển tiếp đang thi công
7	Đường liên xã Sín Lùng Chải, xã Lùng Khẩu Nhìn-Pạc trà, xã Năm Lư- Cốc cáng xã Dìn Chín, huyện Mường Khương	Huyện Mường Khương	UBND huyện	3,5	0,4			3,1	Vốn sự nghiệp giao thông + vốn vay tín dụng ưu đãi	QĐ số 4168 ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
8	Đường liên xã Lùng Vai- Bản Xen, huyện Mường Khương	Xã Lùng Vai, Bản Xen	UBND huyện	4	0,4			3,6	Vốn sự nghiệp giao thông + vốn vay tín dụng ưu đãi	QĐ số 3955 ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
9	Đường TL 154 đến thôn Ma Cái Thán, xã La Pan Tân, huyện Mường Khương	Xã La Pan Tân	UBND huyện	3,25	0,25			3	Vốn sự nghiệp giao thông + vốn vay tín dụng ưu đãi	QĐ số 3955 ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
10	Đường từ thôn Nậm Rúp, xã Thanh Bình nối đường đi Mốc 130 xã Nậm Chảy, huyện Mường Khương	Xã Thanh Bình và Xã Nậm Chảy	UBND huyện	5	0,5			4,5	Vốn sự nghiệp giao thông + vốn vay tín dụng ưu đãi	QĐ số 4293 ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư

11	Đường Sảng Chải đường ra biên giới (bổ sung) điều chỉnh tuyến	TT Mường Khương	UBND huyện	0,2	0,2						CT khởi công năm 2015
12	Đường Sảng Chải đường ra biên giới (công trình chuyển tiếp) thu hồi bổ sung	TT Mường Khương	UBND huyện	0,2	0,05			0,15	Kinh tế cửa khẩu		CT chuyển tiếp đang thi công
13	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường đoạn km 170 - km 180, quốc lộ 4D tỉnh Lào Cai	Xã Thanh Bình	BQLDA Bảo trì, sở GTVT	0,52				0,52	Vốn: Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương	Quyết định số 637/QĐ-TCĐBVN ngày 04/4/2014 của Tổng cục đường bộ Việt Nam	CT chuẩn bị đầu tư
14	Cấp điện các tổ đội công tác Biên phòng Nậm Chảy và cụm dân cư xã Nậm Chảy, Thanh Bình, huyện Mường Khương	Xã Nậm Chảy, Thanh Bình	BCH Biên phòng tỉnh Lào Cai	0,17				0,17	Vốn Quốc phòng	Căn cứ Quyết định số 2905/QĐ-BTLBP ngày 23/10/2013 của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng	CT chuẩn bị đầu tư
15	Cấp điện sinh hoạt thôn Khẩu Na, Tả Thên, Cốc Mạc, Pạc Trà, Na Cổ xã Nậm Lư	Xã Nậm Lư	UBND huyện	0,5				0,5	Vốn NQ 30a	QĐ số 145/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai	CT khởi công năm 2015
16	Cấp điện thôn Cán Cầu 2 xã Tả Thàng	Xã Tả Thàng	UBND huyện	0,3				0,3	Vốn Sự nghiệp kiến thiết thị chính	QĐ số 3056/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai	

III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			3,22				3,22			
1	Nhà ở công vụ giáo viên phòng học PTDTBT trường TH xã La Pan Tân	Xã La Pan Tân	UBND huyện	0,2				0,2	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
2	Nhà ở công vụ giáo viên phòng học PTDTBT trường THCS xã La Pan Tân	Xã La Pan Tân	UBND huyện	0,1				0,1	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
3	Nhà ở công vụ giáo viên trường TH thị trấn số 2 - Sả Hồ huyện Mường Khương	TT Mường Khương	UBND huyện	0,05				0,05	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
4	Nhà ở công vụ giáo viên trường THCS xã Cao Sơn	Xã Cao Sơn	UBND huyện	0,1				0,1	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
5	Nhà ở công vụ giáo viên trường TH xã Lùng Khẩu Nhìn - Trường chính	Xã Lùng Khẩu Nhìn	UBND huyện	0,1				0,1	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư

6	Nhà ở công vụ giáo viên trường MN Lũng Vai-trường chính xã Lũng vai	Xã Lũng vai	UBND huyện	0,06				0,06	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
7	Nhà ở công vụ giáo viên trường MN Bản Xen-trường chính xã Bản Xen	Xã Bản Xen	UBND huyện	0,06				0,06	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
8	Nhà ở công vụ giáo viên trường MN Thanh Bình-trường chính xã Thanh Bình	Xã Thanh Bình	UBND huyện	0,04				0,04	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
9	Nhà ở công vụ giáo viên trường MN Tả Ngải Chồ-trường chính xã Tả Ngải Chồ	Xã Tả Ngải Chồ	UBND huyện	0,07				0,07	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
10	Nhà ở công vụ giáo viên trường MN Pha Long-Thôn Phố II xã Pha Long	Xã Pha Long	UBND huyện	0,05				0,05	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
11	Nhà ở công vụ giáo viên trường MN Cao Sơn-trường chính, xã Cao Sơn	Xã Cao Sơn	UBND huyện	0,05				0,05	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
12	Nhà ở công vụ giáo viên trường MN Lũng Khẩu Nhín-Sín Lũng Chải B xã Lũng Khẩu Nhín,	Xã Lũng Khẩu Nhín	UBND huyện	0,1				0,1	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
13	Nhà ở công vụ giáo viên trường MN Lò Sủi Thành-trường chính xã Dìn Chín	Xã Dìn Chín	UBND huyện	0,04				0,04	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
14	Nhà ở công vụ giáo viên trường MN Lò Sủi Thành-Sín Chải A xã Dìn Chín	Xã Dìn Chín	UBND huyện	0,04				0,04	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư

15	Nhà ở công vụ giáo viên trường MN Lò Sũ Thàng-Mào Sao Chải xã Dìn Chín	Xã Dìn Chín	UBND huyện	0,04				0,04	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
16	Nhà ở công vụ giáo viên trường MN Lò Sũ Thàng-Ngải Phóng Chồ xã Dìn Chín	Xã Dìn Chín	UBND huyện	0,04				0,04	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
17	Nhà ở công vụ giáo viên trường MN Lò Sũ Thàng-Na Cồ xã Dìn Chín	Xã Dìn Chín	UBND huyện	0,04				0,04	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
18	Nhà ở công vụ giáo viên trường MN Tả Thàng-trường chính xã Tả Thàng	Xã Tả Thàng	UBND huyện	0,08				0,08	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
19	Nhà ở công vụ giáo viên trường MN La Pan Tẩn-trường chính xã La Pan Tẩn	Xã La Pan Tẩn	UBND huyện	0,04				0,04	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
20	Nhà ở công vụ giáo viên trường MN Tả Gia Khâu-trường chính xã Tả Gia Khâu	Xã Tả Gia Khâu	UBND huyện	0,06				0,06	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
21	Nhà ở công vụ giáo viên trường TH Na Lốc-trường chính xã Bản Lầu	Xã Bản Lầu	UBND huyện	0,04				0,04	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
22	Nhà ở công vụ giáo viên trường TH Bản Xen-trường chính xã Bản Xen	Xã Bản Xen	UBND huyện	0,06				0,06	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
23	Nhà ở công vụ giáo viên trường TH Dìn Chín - trường chính xã Dìn Chín	Xã Dìn Chín	UBND huyện	0,1				0,1	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư

24	Nhà ở công vụ giáo viên trường TH Pha Long-trường chính xã Pha Long	Xã Pha Long	UBND huyện	0,1				0,1	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
25	Nhà ở công vụ giáo viên trường TH Cao Sơn-trường chính xã Cao Sơn, huyện Mường Khương	Xã Cao Sơn	UBND huyện	0,1				0,1	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
26	Nhà ở công vụ giáo viên trường TH Tả Thàng-trường chính xã Tả Thàng, huyện Mường Khương	Xã Tả Thàng	UBND huyện	0,1				0,1	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
27	Nhà ở công vụ giáo viên trường PTCS Dìn Chín-Lò Sừ Thàng-trường Chính xã Dìn Chín, huyện Mường Khương	Xã Dìn Chín	UBND huyện	0,1				0,1	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
28	Nhà ở công vụ giáo viên trường TH Nậm Chảy - trường chính xã Nậm Chảy, huyện Mường Khương	Xã Nậm Chảy	UBND huyện	0,08				0,08	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
29	Nhà ở công vụ giáo viên trường TH Thanh Bình Số 2- Sín Chải xã Thanh Bình, huyện Mường Khương	Xã Thanh Bình	UBND huyện	0,1				0,1	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
30	Nhà ở công vụ giáo viên trường TH Tả Gia Khâu-trường chính xã Tả Gia Khâu, huyện Mường Khương	Xã Tả Gia Khâu	UBND huyện	0,08				0,08	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư

31	Nhà ở công vụ giáo viên trường TH Lũng Vai-trường chính xã Lũng vai, huyện Mường Khương	Xã Lũng Vai	UBND huyện	0,06				0,06	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
32	Nhà ở công vụ giáo viên trường THCS Na Lốc xã Bản Lầu, huyện Mường Khương	Xã Bản Lầu	UBND huyện	0,08				0,08	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
33	Nhà ở công vụ giáo viên trường THCS xã Bản Xen, huyện Mường Khương	Xã bản Xen	UBND huyện	0,04				0,04	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
34	Nhà ở công vụ giáo viên trường THCS xã Bản Lầu, huyện Mường Khương	Xã Bản Lầu	UBND huyện	0,05				0,05	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
35	Nhà ở công vụ giáo viên trường THCS xã Lũng Vai, huyện Mường Khương	Xã Lũng Vai	UBND huyện	0,05				0,05	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
36	Nhà ở công vụ giáo viên trường THCS Chợ Chậu xã Lũng Vai, huyện Mường Khương	Xã Lũng vai	UBND huyện	0,08				0,08	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
37	Nhà ở công vụ giáo viên trường THCS xã Thanh Bình, huyện Mường Khương	Xã Thanh Bình	UBND huyện	0,08				0,08	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
38	Nhà ở công vụ giáo viên trường THCS xã Dìn Chin, huyện Mường Khương	Xã Dìn chin	UBND huyện	0,05				0,05	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
39	Nhà ở công vụ giáo viên trường PTDTBT THCS xã Nậm Lư, huyện Mường Khương	Xã Nậm Lư	UBND huyện	0,08				0,08	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư

40	Nhà ở công vụ giáo viên trường PTDTBT THCS xã Pha Long, huyện Mường Khương	Xã Pha Long	UBND huyện	0,05				0,05	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
41	Nhà ở công vụ giáo viên trường PTCS Dìn Chín-Lò Sừ Thàng xã Dìn Chín, huyện Mường Khương	Xã Dìn Chín	UBND huyện	0,1				0,1	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
42	Nhà ở công vụ giáo viên trường PTDTBT THCS xã Tả Thàng, huyện Mường Khương	Xã Tả Thàng	UBND huyện	0,1				0,1	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
43	Nhà ở công vụ giáo viên trường THCS xã Lũng Khẩu Nhín, huyện Mường Khương	Xã Lũng Khẩu Nhín	UBND huyện	0,08				0,08	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
44	Nhà ở công vụ giáo viên trường THCS xã Tả Ngải Chồ, huyện Mường Khương	Xã Tả Ngải Chồ	UBND huyện	0,1				0,1	Ngân sách tỉnh	QĐ số 2414 ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Lào Cai	CT chuẩn bị đầu tư
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			3,50	0,02			3,48			

1	Sắp xếp dân cư thôn Và Thàng	Xã Tung Chung Phố	Chi cục PTNT	3,5	0,02			3,48	Vốn NSTW +NS tỉnh	Văn bản số 59/UBND-NLN của UBND tỉnh Lào Cai,	CT chuẩn bị đầu tư
V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm đ, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)										
VI	Danh mục công trình dự án chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép bổ sung vào KHSDD			2,50		2,50					
1	Kho bãi tập kết hàng hóa và kiểm hóa chờ xuất khẩu	TT Mường Khương		2,5		2,5			Vốn Doanh nghiệp		
Tổng số 67 công trình				32,24	2,80	2,50		26,94			

**BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2015 HUYỆN BÁT XÁT**
(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015
của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			0,07				0,07		
1	Trường THCS Cốc San	Xã Cốc san	UBND huyện	0,07				0,07	Vốn theo QĐ 293/QĐ-TTg, UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định 128/QĐ-UBND ngày 14/1/2015	QĐ số 634/QĐ-UBND ngày 19/3/2015 của UBND tỉnh V/v giao danh mục chuẩn bị đầu tư
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			3,80				3,80		
1	Hợp phần cấp nước thuộc dự án phát triển các đô thị loại vừa- Tiểu dự án thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Xã Cốc San	CT TNHH MTV KD nước sạch Lào Cai	3,80				3,80	Vốn đối ứng NS tỉnh	QĐ số 906/QĐ-UBND ngày 17/3 của UBND tỉnh

III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)									
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)									
V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm đ, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)									
Tổng số 2 công trình				3,87				3,87		

**BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2015 HUYỆN SA PA**
(Kèm theo Nghị quyết số: 09/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015
của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Các công trình, dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			1,89				1,89		
1	Trụ sở Hạt quản lý đường bộ huyện Sa Pa	Tổ 11A, thị trấn Sa Pa		0,1				0,1	Vốn sự nghiệp giao thông 50% + Vốn chủ đầu tư tự đảm bảo 50%	TB số 1150/SXD-KTQH Sở XD ngày 04/7/2014 (QĐ 2990/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của UBND tỉnh)
2	Các hạng mục phụ trợ UBND xã Nậm Sài	xã Nậm Sài	UBND huyện	0,07				0,07	Vốn NS	QĐ số 1755/QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2014
3	Trường THCS xã Suối Thầu (nhà lớp học)	xã Suối Thầu	UBND huyện	0,50				0,50	Vốn thực hiện QĐ 293/QĐ-TTg	QĐ số 2992/QĐ-UBND ngày 30/10/2013
4	Trường TH Bản Hồ - Tả Trung Hồ A xã Bản Hồ (nhà công vụ)	xã Bản Hồ	UBND huyện	0,05				0,05	Vốn NS (NQ37)	QĐ số 881/QĐ-UBND huyện ngày 18/8/2014
5	Trường TH Bản Hồ - Tả Trung Hồ B xã Bản Hồ (nhà công vụ)	xã Bản Hồ	UBND huyện	0,04				0,04	Vốn NS	QĐ số 881/QĐ-UBND huyện ngày 18/8/2014

6	Trường TH Bản Hồ - Séo Trung Hồ Mông xã Bản Hồ (nhà công vụ)	xã Bản Hồ	UBND huyện	0,04				0,04	Vốn NS (NQ37)	QĐ số 881/QĐ-UBND huyện ngày 18/8/2014
7	Trường TH Sa Pả-Sả Xéng (nhà công vụ)	xã Sa Pả	UBND huyện	0,12				0,12	Vốn NS (NQ37)	QĐ số 1878/QĐ-UBND huyện ngày 27/9/2013
8	Trường MN Bản Hồ-Bản Dền (trường chính)	xã Bản Hồ	UBND huyện	0,03				0,03	Vốn NS	QĐ số 1878/QĐ-UBND huyện ngày 27/9/2013
9	San tạo mặt bằng trường THCS Nậm Sài, xã Nậm Sài	xã Nậm Sài	UBND huyện	0,60				0,60	Vốn NS	QĐ số 1755/QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2014
10	Nhà lớp học,KTX Trung tâm dạy nghề và TT GDTX huyện Sa Pa	TT Sa Pa	UBND huyện	0,05				0,05	Vốn NS	QĐ số 937/QĐ-UBND tỉnh ngày 08/4/2015
11	Trường TH Tả Phìn - Đội 13 - Y Hân, xã Tả Phìn	xã Tả Phìn	UBND huyện	0,1				0,1	Vốn CT 135	QĐ số 2342/QĐ-UBND huyện ngày 28/10/2013
12	Trường TH Bản Khoang, thôn Lủ Khẩu, xã Bản Khoang	xã Bản Khoang	UBND huyện	0,013				0,013	Vốn NS	QĐ số 491/QĐ-UBND huyện ngày 17/6/2014
13	Trường TH Sa Pả, thôn Sả Ség, xã Sa Pả	xã Sa Pả	UBND huyện	0,025				0,025	Vốn NS	QĐ số 2324/QĐ-UBND huyện ngày 28/10/2013
14	Trạm y tế xã Suối Thầu	xã Suối Thầu	UBND huyện	0,08				0,08	Vốn NS	QĐ số 2351/QĐ-UBND tỉnh ngày 28/10/2013
15	Trạm y tế xã Trung Chải	xã Trung Chải	UBND huyện	0,09				0,09	Vốn NS	QĐ số 2008/QĐ-UBND tỉnh ngày 21/7/2014
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			5,67				5,67		

1	Khắc phục sạt lở tại Km 107+400, Quốc lộ 4D - tổ 1, thị trấn Sa Pa	TT Sa Pa	Sở GTVT	0,35				0,35	Vốn NS	QĐ 688/QĐ-TCĐBVN ngày 11/4/2014
2	Điều chỉnh bổ sung dự án đầu tư xây dựng CT: Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Chí Thanh, thị trấn Sa Pa	TT Sa Pa	UBND huyện	1,50				1,50	Vốn NS +vốn khác	QĐ số 3427/QĐ-UBND tỉnh ngày 07/11/2014
3	Nâng cấp đường từ trường TH Bán Pho đi thôn Thảo Hồng Đến xã Hữu Thào	xã Hữu Thào	UBND huyện	0,10				0,10	Vốn vay ODA	
4	Cầu Bản BTCT thôn Dền Thàng-Tả Van	xã Tả Van	UBND huyện	0,03				0,03	Vốn NS	QĐ số 1755/QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2014
5	Cầu Bản BTCT thôn Nậm Si xã Bản Phùng	xã Bản Phùng	UBND huyện	0,04				0,04	Vốn NS	QĐ số 1755/QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2014
6	Cầu treo Suối Đá thôn Dền Thàng xã Tả Van	xã Tả Van	UBND huyện	0,06				0,06	Vốn NS	QĐ số 1755/QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2014
7	Nâng cấp, sửa chữa hồ trung tâm thị trấn Sa Pa	TT Sa Pa	UBND huyện	0,50				0,50	Vốn NS (Sự nghiệp môi trường)	QĐ số 3218/QĐ-UBND tỉnh ngày 30/10/2014
8	Thủy lợi thôn Sáo Trung Hồ xã Bản Hồ	xã Bản Hồ	UBND huyện	0,30				0,30	Vốn thực hiện QĐ 293/QĐ-TTg	QĐ số 2932/QĐ-UBND tỉnh ngày 30/10/2013
9	Thủy lợi đội 3 Bán Pho xã Hữu Thào	xã Hữu Thào	UBND huyện	0,12				0,12	Vốn NS	QĐ số 881/QĐ-UBND huyện ngày 18/8/2014
10	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi thôn Lao Chải San 1 (TL Thảo A Sùng, Thảo A Dũng, họ Giàng)	xã Lao Chải	UBND huyện	0,20				0,20	Vốn NS	QĐ số 881/QĐ-UBND huyện ngày 18/8/2014
11	Thủy lợi đội 2 Hữu Chư Ngải xã Hữu Thào	xã Hữu Thào	UBND huyện	0,10				0,10	Vốn TPCP thực hiện xây dựng NTM	QĐ số 912 / QĐ-UBND huyện ngày 28/8/2014
12	Thủy lợi đội 2 Ý Linh Hồ 1 xã San Sả Hồ	xã San Sả Hồ	UBND huyện	0,10				0,10	Vốn TPCP thực hiện xây dựng NTM	QĐ số 912 / QĐ-UBND huyện ngày 28/8/2014

13	Thủy lợi Hoàng Văn Tào Tả Van Dáy 2 xã Tả Van	xã Tả Van	UBND huyện	0,10				0,10	Vốn TPCP thực hiện xây dựng NTM	QĐ số 912 / QĐ-UBND huyện ngày 28/8/2014
14	Nâng cấp thủy lợi 2,3 Lêch Mông xã Thanh Kim	xã Thanh Kim	UBND huyện	0,15				0,15	Vốn TPCP thực hiện xây dựng NTM	QĐ số 912 / QĐ-UBND huyện ngày 28/8/2014
15	Thủy lợi Tả Trung Hồ xã Bản Hồ	xã Bản Hồ	UBND huyện	0,30				0,30	Vốn NS (Sự nghiệp NN)	QĐ số 87 / QĐ-UBND huyện ngày 04/3/2015
16	Thủy lợi Kim Ngan xã Bản Khoang	xã Bản Khoang	UBND huyện	0,15				0,15	Vốn NS (Sự nghiệp NN)	QĐ số 284 / QĐ-UBND huyện ngày 08/4/2015
17	Thủy lợi Phìn Hồ xã Bản Khoang	xã Bản Khoang	UBND huyện	0,30				0,30	Vốn NS (Sự nghiệp NN)	QĐ số 87 / QĐ-UBND huyện ngày 04/3/2015
18	Thủy lợi Vàng Xuân Phẫu thôn Sín Chải A xã Thanh Phú	xã Thanh Phú	UBND huyện	0,10				0,10	Vốn NS	QĐ số 1755/ QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2014
19	Thủy lợi Vàng A Chải A thôn Nậm Than xã Nậm Cang	xã Nậm Cang	UBND huyện	0,10				0,10	Vốn NS	QĐ số 1755/ QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2014
20	Thủy lợi thôn Lao Hàng Chải khu Suối Mường Hoa xã Lao Chải	xã Lao Chải	UBND huyện	0,07				0,07	Vốn NS	QĐ số 1755/ QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2014
21	Thủy lợi Vạn Dền Sứ 1 xã Sứ Pán	xã Sứ Pán	UBND huyện	0,10				0,10	Vốn NS	QĐ số 1755/ QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2014
22	Thủy lợi Xín Chải xã Bản Khoang	xã Bản Khoang	UBND huyện	0,15				0,15	Vốn NS	QĐ số 1755/ QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2014
23	Thủy lợi đội 5 thôn Sín Chải xã San Sả Hồ	xã San Sả Hồ	UBND huyện	0,10				0,10	Vốn NS	QĐ số 1755/ QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2014
24	Thủy lợi Giàng Tra (Vàng A Phùng) xã Tả Phìn	xã Tả Phìn	UBND huyện	0,10				0,10	Vốn NS	QĐ số 1755/ QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2014
25	Thủy lợi họ Châu, họ Giàng thôn Chu Lìn 2 xã Trung Chải	xã Trung Chải	UBND huyện	0,15				0,15	Vốn NS	QĐ số 1755/ QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2014

26	Thủy lợi Vù Lùng Sung 2 xã Trung Chải	xã Trung Chải	UBND huyện	0,30				0,30	Vốn NS	QĐ số 1755/QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2014
27	Thủy lợi Dào Chuân-đội 1,2,5 thôn Lếch Dao xã Thanh Kim	xã Thanh Kim	UBND huyện	0,10				0,10	Vốn NS	QĐ số 1755/QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2014
III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			0,98				0,98		
1	Thiền viện Trúc lâm Đại giác			0,98				0,98		
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)			484,02				484,02		
1	Khu nông nghiệp công nghệ cao VinEco - Sa Pa	Tiểu khu 286 Vườn QG Hoàng Liên, xã Tả Van, huyện Sa Pa	Tập đoàn VinGroup - Công ty Cổ phần	484,02				484,02	Vốn DN	CV số 1412/UBND-NLN ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh Lào Cai; Thông báo số 101/TB-SXD ngày 23/4/2015 của Sở XD

V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm đ, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)								
VI	Danh mục công trình dự án chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép bổ sung vào KHSDD			22,00		15,90		6,10	
1	Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Cầu Mây	Thôn Lý Lao Chải xã Lao Chải	Cty CP Trường Giang Sa Pa	22,0		15,9		6,1	Vốn DN + vay
Tổng số 45 công trình				514,55		15,90		498,65	Quyết định số 1490 ngày 21/6/2012 của UBND tỉnh Lào Cai,